

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HỢP NHẤT	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôì thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

0120
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2011)
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Bà Tạ Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2011)
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2011)

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/10/2011)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2011

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

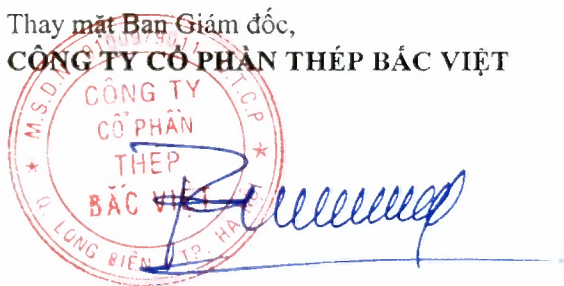
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012





Số 2012/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Chúng tôi chưa được cung cấp bảng tính giá thành của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt năm 2011 và chưa xác định được giá trị dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 (Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt được trình bày tại mục 3 phần V bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Theo đó Chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty.
- Trong năm 2011 Công ty Cổ phần thép Bắc Việt chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần tại Công ty CP Kim Khí Bắc Việt (công ty con) cho Ông Nguyễn Văn Mừng với tổng số tiền chuyển nhượng là 48.000.000.000 đồng, giá gốc của khoản đầu tư nêu trên là 20.543.270.000 đồng, giá trị chênh lệch giữa giá bán và giá gốc khoản đầu tư là 27.456.730.000 đồng đã được công ty ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2011. Với những tài liệu hiện có tại công ty, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến về việc ghi nhận khoản doanh thu nêu trên. Do đó bất cứ sự điều chỉnh nào đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt cho năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		283.060.280.099	283.423.034.817
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.721.784.417	29.932.374.569
1 Tiền	111	V.1.	5.721.784.417	29.932.374.569
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.196.671.753	113.598.654.555
1 Phải thu của khách hàng	131		88.523.378.804	103.973.351.405
2 Trả trước cho người bán	132		637.484.468	891.038.295
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	51.157.459.624	11.915.051.666
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.121.651.143)	(3.180.786.811)
IV Hàng tồn kho	140		127.722.229.483	130.831.836.540
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	127.722.229.483	130.831.836.540
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		12.419.594.446	9.060.169.153
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.108.169.214	1.831.224.228
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.980.665.234	4.538.993.715
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	101.904.486	98.968.131
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	8.228.855.512	2.590.983.079
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		188.242.716.638	183.120.951.743
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		166.616.773.969	150.018.832.227
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	150.221.308.456	122.407.913.766
- Nguyên giá	222		199.592.175.446	156.427.115.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.370.866.990)	(34.019.201.410)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	4.941.151.213	5.227.990.009
- Nguyên giá	228		5.943.395.390	5.943.395.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.002.244.177)	(715.405.381)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	11.454.314.300	22.382.928.452
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.318.616.507	11.485.222.268
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9.	8.018.817.911	10.032.765.268
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.	4.299.798.596	1.452.457.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.672.551.952	21.616.897.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	3.471.927.721	21.416.273.017
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
VI Lợi thế thương mại	269		5.634.774.210	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		471.302.996.737	466.543.986.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		340.416.939.240	336.116.768.232
I Nợ ngắn hạn	310		282.090.032.296	256.596.751.290
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	216.851.245.619	195.904.500.734
2 Phải trả người bán	312		56.019.534.698	46.211.753.094
3 Người mua trả tiền trước	313		2.248.771.485	9.128.491.517
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	3.014.868.632	1.827.085.401
5 Phải trả người lao động	315		1.814.624.112	1.095.981.432
6 Chi phí phải trả	316		327.632.368	397.447.366
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	1.062.300.644	1.220.885.950
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		751.054.738	810.605.796
II Nợ dài hạn	330		58.326.906.944	79.520.016.942
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	58.326.906.944	78.489.358.584
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.030.658.358
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		123.252.288.591	122.486.162.248
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	123.252.288.591	122.486.162.248
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		5.997.059.645	4.263.735.782
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.041.535.765	939.629.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		101.906.000	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.098.936.381	3.269.945.901
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.633.768.906	7.941.056.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		471.302.996.737	466.543.986.560

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	739.475.323.013	617.110.318.721
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		489.318.565	278.416.914
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	738.986.004.448	616.831.901.807
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	680.430.962.623	573.749.946.958
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.555.041.825	43.081.954.849
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	28.043.702.477	8.890.493.283
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	54.456.014.008	24.026.845.532
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.891.086.754	20.886.048.970
8 Chi phí bán hàng	24		4.591.200.553	2.524.089.443
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.915.924.908	23.139.108.148
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.635.604.833	2.282.405.009
11 Thu nhập khác	31		86.767.164	10.555.834
12 Chi phí khác	32		167.583.460	122.414.049
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(80.816.296)	(111.858.215)
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(501.139.755)	(130.693.075)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.053.648.782	2.039.853.719
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		405.471.993	835.276.713
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(32.845.347)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		648.176.789	1.237.422.352
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(314.449.584)	(801.781.510)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		962.626.373	2.039.203.863
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	99	199

Người lập

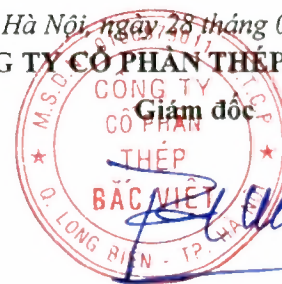
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thông



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Trần Anh Vương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		894.209.353.807	518.871.603.594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(828.719.273.935)	(551.948.396.856)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.248.698.040)	(11.844.803.710)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(48.404.965.782)	(20.126.509.627)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(892.977.035)	(2.636.260.155)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.056.739.396	40.525.071.728
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.834.939.853)	(30.022.954.851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.834.761.442)	(57.182.249.877)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.537.901.986)	(75.637.735.379)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.451.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.821.788.996)	(9.980.515.052)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.112.839.193	189.705.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.246.851.789)	(74.977.544.521)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.965.947.400	36.380.213.052
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		501.551.066.065	448.721.920.372
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(500.610.490.820)	(326.394.632.804)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(15.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.906.522.645	142.807.500.620
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(24.175.090.586)	10.647.706.222
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	29.932.374.569	19.283.016.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.499.566)	1.652.198
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	5.721.784.417	29.932.374.569

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****(tiếp theo)**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 91%
3.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 78,78% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 78,78%

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

1.	Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 34% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
2.	Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Võng Thị, Tây Hồ, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 25% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****(tiếp theo)****IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****(tiếp theo)****Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

Quyền sử dụng đất

45-48

Phần mềm máy vi tính

4

TSCĐ vô hình khác

5

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt, Công ty TNHH MTV Lim Royer, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích lợi thể thương mại

Lợi thể thương mại được phân bổ dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thể thương mại được phân bổ 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.
- Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.
- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

14.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.631.036.862	789.542.939
Tiền gửi ngân hàng	4.090.747.555	29.142.831.630
Cộng	5.721.784.417	29.932.374.569

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khác	51.157.459.624	11.915.051.666
- Nguyễn Ngọc Mẫn	171.308.036	171.308.036
- Đàm Tấn Anh	-	6.885.000.000
- Vũ Hữu Trí	1.095.000.000	2.180.000.000
- Nguyễn Văn Mừng	48.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.891.151.588	2.678.743.630
Cộng	51.157.459.624	11.915.051.666
3. Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.623.390.065	2.336.639.893
Công cụ, dụng cụ	587.235.430	689.453.088
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	35.040.321.118	25.024.356.901
Thành phẩm	26.885.935.222	34.167.865.932
Hàng hoá	62.585.347.648	68.613.520.726
Cộng giá gốc hàng tồn kho	127.722.229.483	130.831.836.540
(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 24.429.604.475 đồng là chi phí dở dang của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.904.486	98.968.131
Cộng	101.904.486	98.968.131
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	1.722.991.112	2.230.172.629
Phạm Cương	-	472.134.624
Tạ Anh Tuấn	94.207.790	41.656.150
Trần Anh Vương	53.986.891	320.000.000
Vũ Hữu Trí	-	670.793.115
Nguyễn Hữu Bảo	174.835.548	14.754.388
Ngô Nhật Văn	348.938.628	95.877.200
Các đối tượng khác	1.051.022.255	614.957.152
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	6.505.864.400	360.810.450
Cộng	8.228.855.512	2.590.983.079

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011	45.154.486.776	82.721.917.298	21.557.870.429	3.019.821.016	3.973.019.657	156.427.115.176
Mua trong kỳ	-	32.181.697.084	-	163.862.727	263.679.800	32.609.239.611
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.466.199.800	-	-	-	77.760.000	9.543.959.800
Tăng khác	190.000.000	1.011.860.859	-	-	-	1.201.860.859
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(190.000.000)	-	-	-	(190.000.000)
Số dư ngày 30/06/2011	54.810.686.576	115.725.475.241	21.557.870.429	3.183.683.743	4.314.459.457	199.592.175.446
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011	10.184.827.380	15.848.986.900	6.210.837.585	1.338.856.480	435.693.065	34.019.201.410
Khấu hao trong kỳ	3.525.585.070	9.436.863.263	1.677.680.676	406.946.134	375.384.102	15.422.459.245
Tăng khác	-	25.866.186	-	-	-	25.866.186
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(70.793.665)	(70.793.665)
Giảm khác	-	-	(29.506.182)	-	3.639.996	(25.866.186)
Số dư ngày 30/06/2011	13.710.412.450	25.311.716.349	7.859.012.079	1.745.802.614	743.923.498	49.370.866.990
Giá trị còn lại						
Số dư ngày 01/01/2011	34.969.659.396	66.872.930.398	15.347.032.844	1.680.964.536	3.537.326.592	122.407.913.766
Tại ngày 30/06/2011	41.100.274.126	90.413.758.892	13.698.858.350	1.437.881.129	3.570.535.959	150.221.308.456

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.612.989.750 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.138.846.903 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Đền bù giải phóng mặt	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2011	5.050.655.390	552.740.000	340.000.000	5.943.395.390
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	5.050.655.390	552.740.000	340.000.000	5.943.395.390
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2011	123.124.290	312.014.656	280.266.435	715.405.381
Khấu hao trong năm	115.670.808	103.167.996	67.999.992	286.838.796
Tăng khác	25.266.432	-	-	25.266.432
Giảm khác	-	-	(25.266.432)	(25.266.432)
Số dư ngày 31/12/2011	264.061.530	415.182.652	322.999.995	1.002.244.177
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	4.927.531.100	240.725.344	59.733.565	5.227.990.009
Tại ngày 31/12/2011	4.786.593.860	137.557.348	17.000.005	4.941.151.213

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	99.332.273
Công trình nhà xưởng công nghệ	5.674.467.190	22.247.513.278
Công trình khác	5.564.639.378	36.082.901
Cộng	11.454.314.300	22.382.928.452

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	5.318.056.103	6.815.505.268
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	2.700.761.808	3.217.260.000
Cộng	8.018.817.911	10.032.765.268

10. Đầu tư dài hạn khác

31/12/2011

01/01/2011

	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.847.341.596	-	-
Cộng	-	4.299.798.596	-	1.452.457.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí dụng cụ		2.289.334.499	2.770.990.562
Chi phí thuê đất		-	18.634.000.000
Chi phí khác		1.182.593.222	11.282.455
Cộng		3.471.927.721	21.416.273.017
12. Vay và nợ ngắn hạn	Lãi suất/năm	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		216.851.245.619	195.904.500.734
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (1)	14,5% - 26%	129.977.378.000	105.222.041.600
Ngân hàng NN&PTNT nam Hà Nội - PGD Nam Đ		-	12.450.817.600
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình(2)	18% - 22,5%	47.175.772.000	23.037.732.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	13,8%	-	70.827.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	6,8% - 7,3%	-	3.862.128.000
Ngân hàng TMCP Bào Việt(3)	18% - 22,5%	34.180.000.000	35.180.000.000
Vũ Hồng Thủy	6,9% - 22,5%	1.743.400.830	12.334.753.022
Nguyễn Vũ Giang	18% - 22,5%	85.067.465	1.093.413.392
Các đối tượng khác	18% - 22,5%	3.689.627.324	2.652.788.120
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	
Cộng		216.851.245.619	195.904.500.734

(1). Là khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng tín dụng theo ngắn mức số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGDTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ.
- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng hạn mức số 4444.107 ngày 25 tháng 08 năm 2011 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển với tổng giá trị là 71,5 tỷ.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH INDOVINA Chi nhánh Đống Đa phòng giao dịch Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 011/IVBMD-HĐHM/2011 ký ngày 03/03/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bào Việt theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 118.2011.HĐTD ngày 14/07/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo thứ nhất là tiền đền bù và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất kết cấu thép tại thôn Giang Liễn, Quê võ Bắc Ninh trị giá 6 tỷ đồng, thứ hai là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 13,9 tỷ đồng, thứ ba là hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT đầu ra	2.868.389.489	1.213.771.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.862.386	554.355.263
Thuế thu nhập cá nhân	98.616.757	58.958.313
Cộng	3.014.868.632	1.827.085.401

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	331.970.629	261.315.378
Bảo hiểm xã hội, y tế	255.390.346	777.913.655
Phải trả, phải nộp khác	474.939.669	181.656.917
Cộng	1.062.300.644	1.220.885.950

15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn		
Lãi suất/năm	58.326.906.944	78.489.358.584
Ngân hàng CPTM Quân Đội	-	368.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt 18,0%	-	3.522.401.350
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	70.827.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần PG Bank(*) 17%- 23%	58.326.906.944	74.528.130.234
Cộng	58.326.906.944	78.489.358.584

(i) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng hạn mức số 111/2010 ngày 26 tháng 07 năm 2010 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 năm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng và máy móc thiết bị.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	70.000.000.000	4.123.370.800	18.812.353.274	92.935.724.074
Tăng vốn trong năm trước	27.509.480.000	12.380.000.000	-	39.889.480.000
Lãi trong năm trước	-	-	2.039.203.863	2.039.203.863

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(17.581.611.236)	(17.581.611.236)
Số dư tại ngày 01/01/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	3.269.945.901	117.282.796.701
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	962.626.373	962.626.373
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.133.635.893)	(2.133.635.893)
Số dư tại ngày 31/12/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	2.098.936.381	116.111.787.181

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
Cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	70.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	27.509.480.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (trích quỹ)	2.039.041.863	18.292.595.312

d) Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	4.263.735.782	1.733.323.863	-	5.997.059.645
Quỹ dự phòng tài chính	939.629.765	101.906.000	-	1.041.535.765
Quỹ khác thuộc vốn	-	101.906.000	-	101.906.000

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	739.475.323.013	617.110.318.721
Cộng	739.475.323.013	617.110.318.721

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giảm giá hàng bán	489.318.565	278.416.914
Cộng	489.318.565	278.416.914,00

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	738.986.004.448	616.831.901.807
Cộng	738.986.004.448	616.831.901.807

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	680.430.962.623	573.749.946.958
Cộng	680.430.962.623	573.749.946.958

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	212.839.193	179.001.496
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	12.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	193.915.365	1.813.991.787
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	94.477.579	-
Lãi từ bán công ty con và chuyển nhượng cổ phiếu	27.542.470.340	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.885.000.000
Cộng	28.043.702.477	8.890.493.283

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng 2 triệu Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng với giá trị chuyển nhượng là 48 tỷ, giá gốc là 20.543.270.000 đồng, giá trị chênh lệch 27.456.730.000 đồng. Thời hạn thanh toán của hợp đồng này là đến tháng 9/2012. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty và Ông Nguyễn Văn Mừng đã ký xác nhận công nợ và Công ty đã ghi nhận khoản doanh thu bán cổ phiếu này.

22. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	48.891.086.754	20.886.048.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.529.427.688	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.499.566	937.103.977
Chi phí tài chính khác	-	2.203.692.585
Cộng	54.456.014.008	24.026.845.532

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	962.626.373	1.682.533.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	8.456.964
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	99	199

24. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
 Giám đốc

 Trần Anh Vương